FireAnt

CTCP Đường Quảng Ngãi (UPCOM: QNS)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	47,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	47,384
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	40,497
SL cổ phiếu LH	367,648,153
KLGD BQ 20 phiên (CP)	86,555
% sở hữu nước ngoài	9.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,279
P/E	9.0
EPS	5,231

	YTD	1T	3T	6T
QNS	0.8%	6.5%	1.3%	1.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

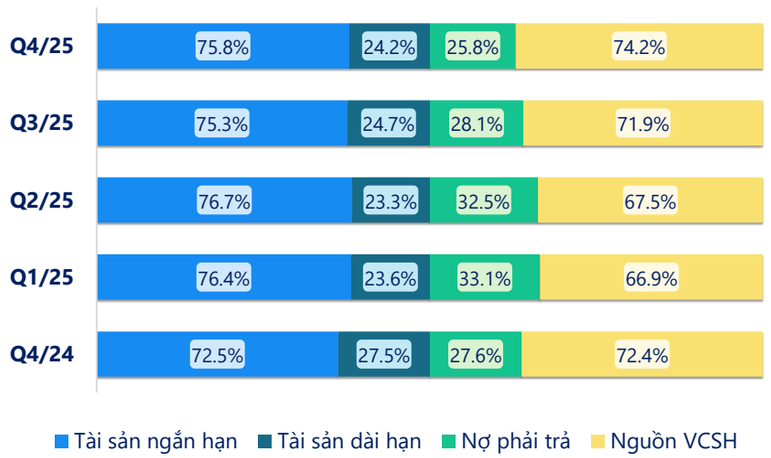

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

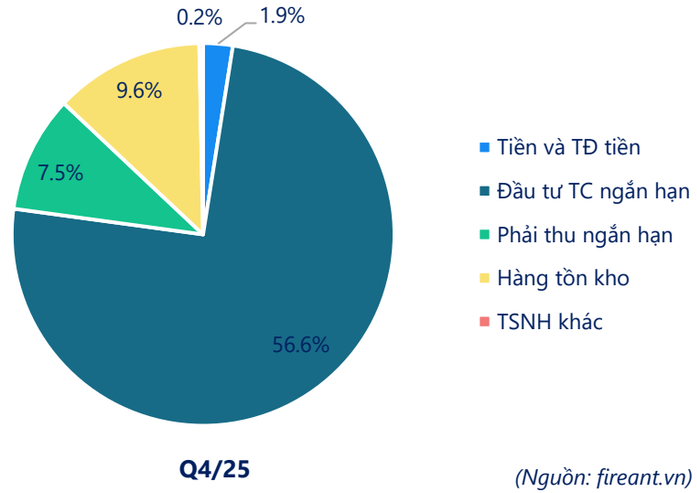

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

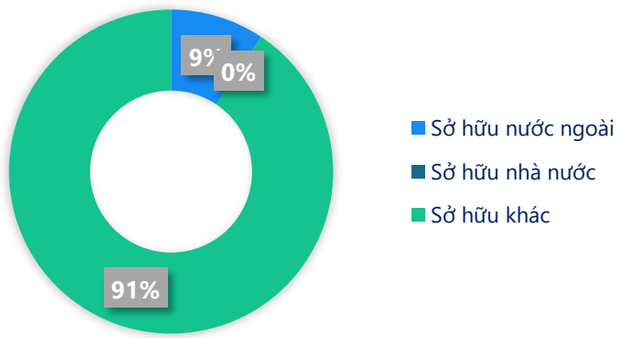

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

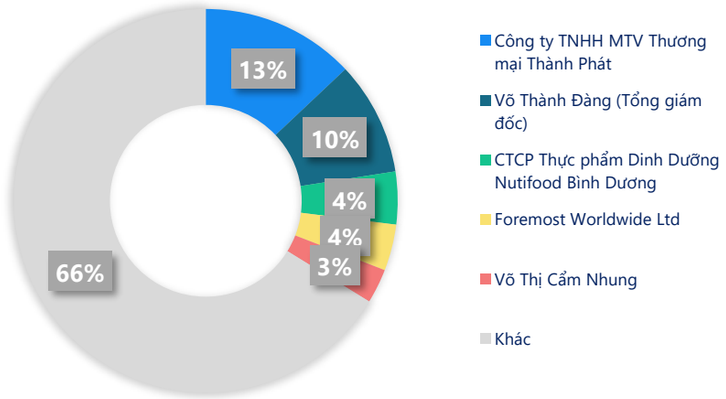

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

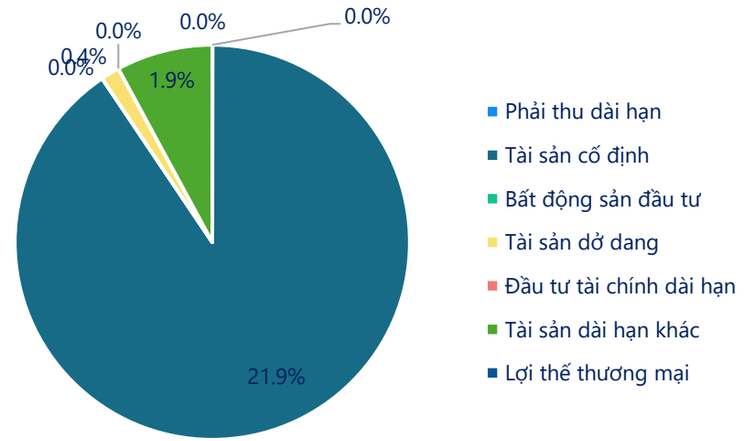

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đường Quảng Ngãi (UPCOM: QNS)

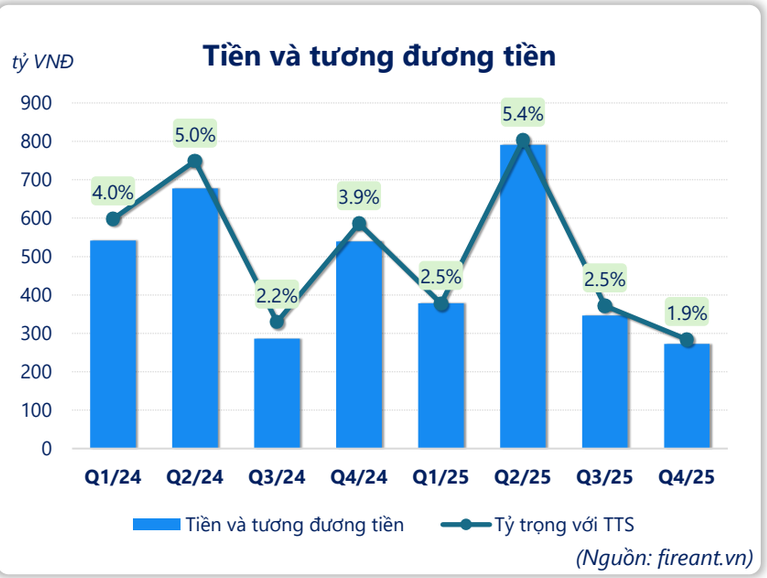

(Nguồn: fireant.vn)

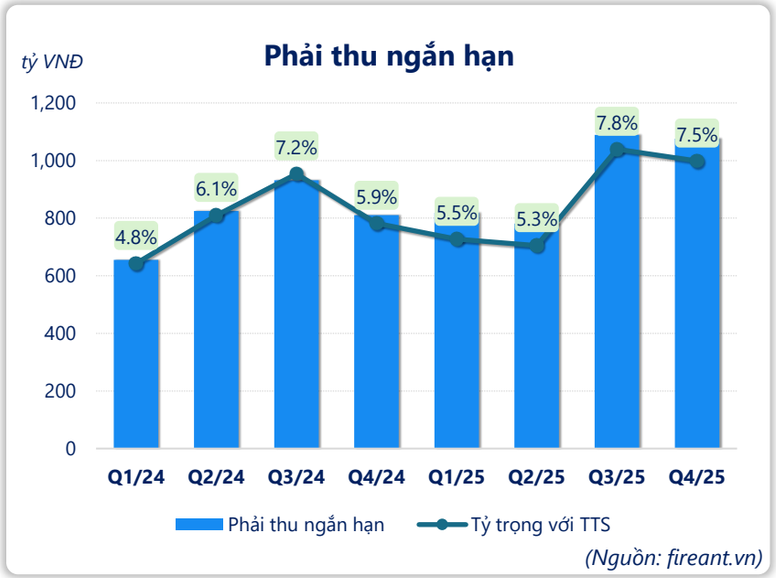

(Nguồn: fireant.vn)

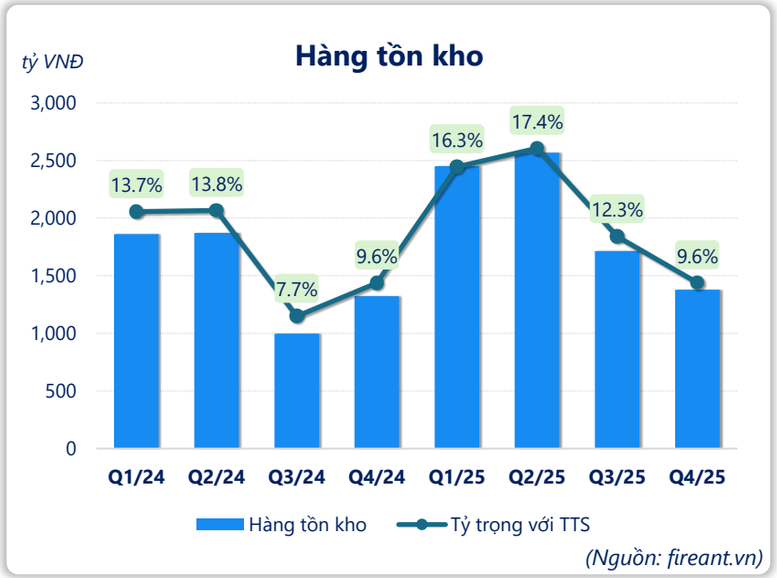

(Nguồn: fireant.vn)

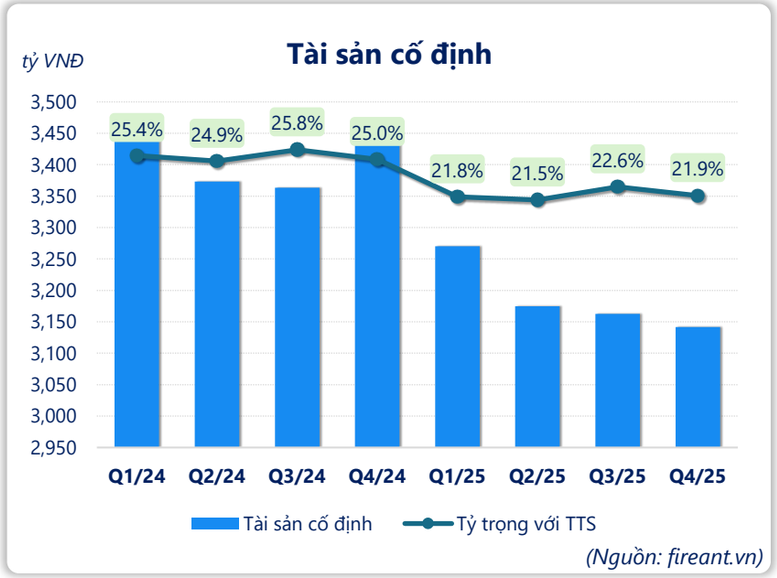

(Nguồn: fireant.vn)

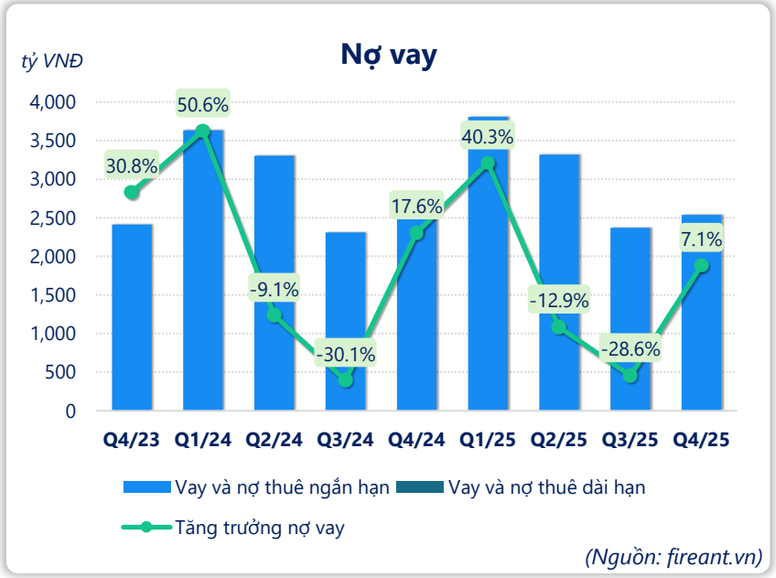

(Nguồn: fireant.vn)

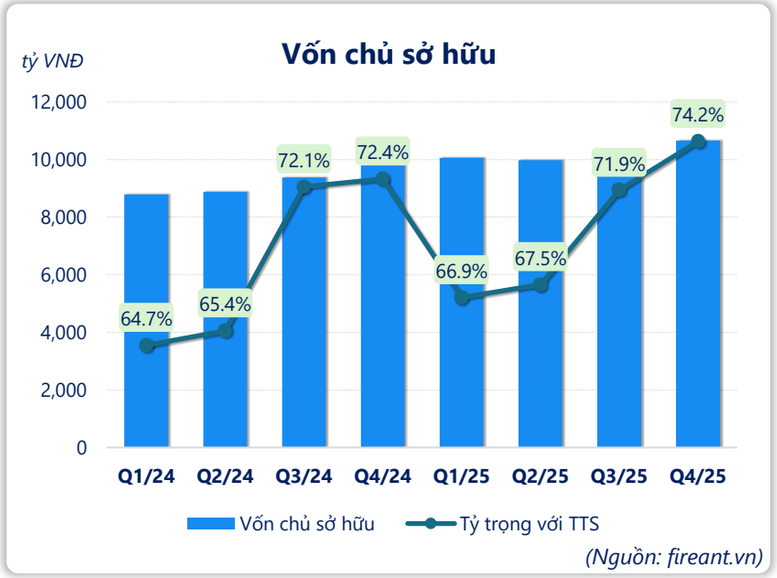

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đường Quảng Ngãi (UPCOM: QNS)

Kết quả kinh doanh

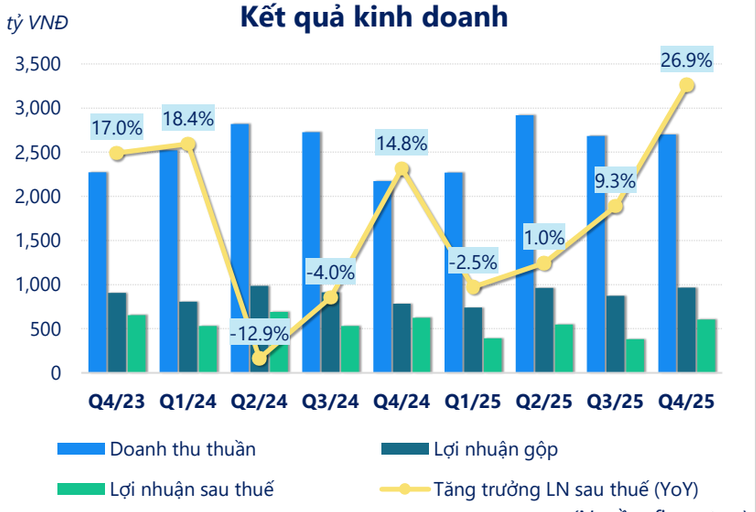

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

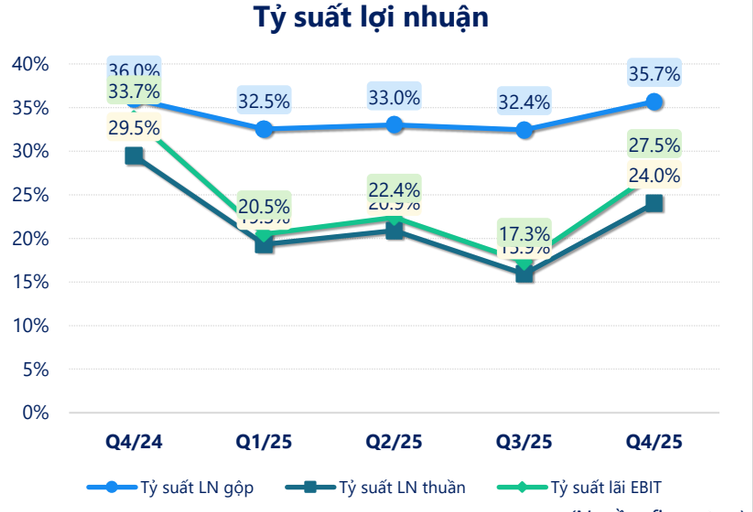

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

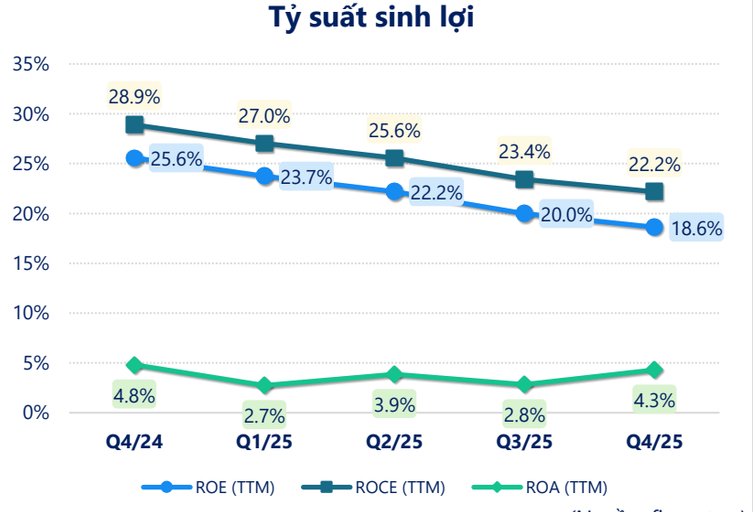

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

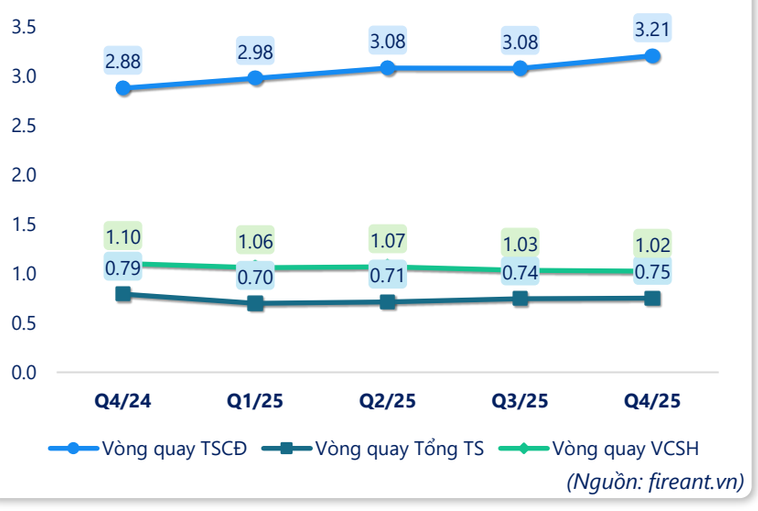

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

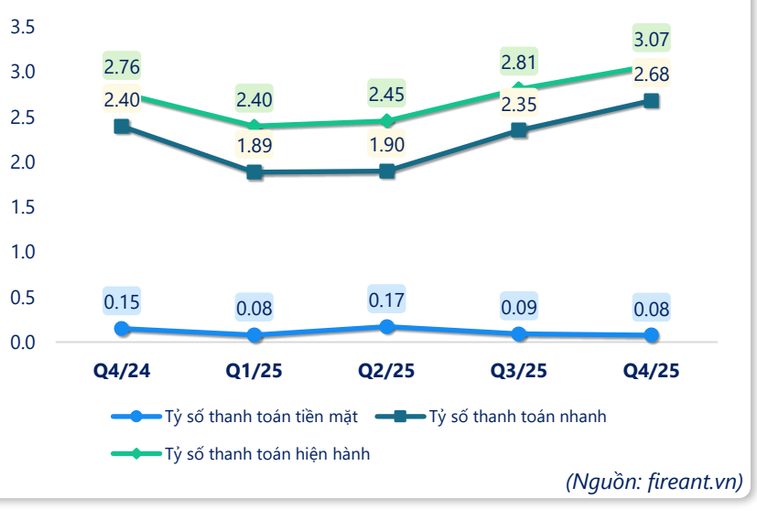

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

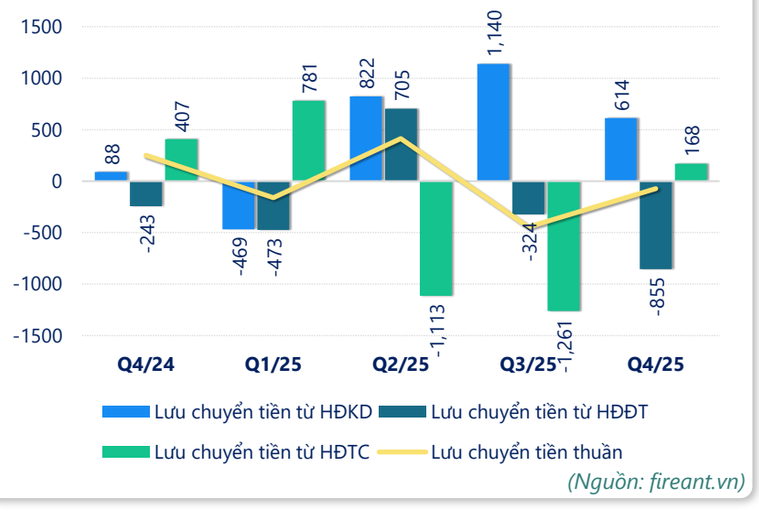

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đường Quảng Ngãi (UPCOM: QNS)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**14,362**	**13,808**	**4.0%**
Tài sản ngắn hạn	10,893	10,011	8.8%
Tiền và tương đương tiền	272	539	-49.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8,132	7,299	11.4%
Phải thu ngắn hạn	1,076	810	32.8%
Hàng tồn kho	1,378	1,323	4.1%
Tài sản ngắn hạn khác	35.1	39.1	-10.3%
Tài sản dài hạn	**3,469**	**3,797**	**-8.6%**
Phải thu dài hạn	0.81	0.43	86.1%
Tài sản cố định	3,142	3,452	-9.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	53.2	81.8	-34.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**274**	**264**	**3.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,710	3,807	-2.5%
Nợ ngắn hạn	**3,550**	**3,627**	**-2.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,536	2,714	-6.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	436	464	-6.1%
Nợ dài hạn	160	180	-11.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,653**	**10,002**	**6.5%**
Vốn chủ sở hữu	**10,653**	**10,002**	**6.5%**
Vốn điều lệ	3,676	3,676	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2,174	2,269	2,918	2,685	2,701
Giá vốn hàng bán	1,392	1,531	1,955	1,814	1,737
Lợi nhuận gộp	782	739	963	871	964
Doanh thu HĐTC	69.3	63.6	75.0	77.3	90.4
Chi phí TC	18.7	27.4	34.8	25.7	23.5
Chi phí lãi vay	17.7	27.3	32.7	25.0	21.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	162	268	313	418	360
Chi phí QLDN	30.1	68.9	80.4	77.1	22.0
LN thuần từ HĐKD	641	438	610	427	649
Lợi nhuận khác	74.1	-0.19	11.1	13.2	72.9
LN trước thuế	715	438	621	441	721
Lợi nhuận sau thuế	623	392	546	381	605
LNST của CĐ cty mẹ	623	392	546	381	605

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	88.1	-469	822	1,140	614
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-243	-473	705	-324	-855
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	407	781	-1,113	-1,261	168
Tiền đầu kỳ	286	539	379	791	346
Lưu chuyển tiền thuần	**252**	**-161**	**413**	**-446**	**-73.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.00	0	-0.92	0.92	-0.77
Tiền cuối kỳ	539	379	791	346	272

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic